ÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Hạnh**
2. Ông **Phạm Văn Tuyền**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Thùy** là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1022/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 295/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Cù Ngọc P**, sinh năm: 1977

Nơi cư trú: 20/4 Bờ Bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Bà **Bùi Thị T**, sinh năm: 1982

Hộ khẩu thường trú: F6/26D ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28 tháng 7 năm 2017 và bản tự khai đề ngày 27/12/2017 nguyên đơn ông Cù Ngọc P trình bày:

Ông và bà Bùi Thị T tự nguyện tìm hiểu, quen biết và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn.Vợ chồng ông chung sống một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, luôn xung đột cãi vã, không còn tôn trọng nhau, đã sống ly thân nhiều năm nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T. Trong quá trình chung sống, ông và bà T có một con chung là trẻ Cù Ngọc Tiến, sinh ngày 28/7/2004. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tiến, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Do sức khỏe không tốt nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Ông cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình. Ngoài ra, ông không có ý kiến,yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Bùi Thị T vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến như sau:Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 220, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Cù Ngọc P, giao trẻ Tiến cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuoi con đối với bà T. Ông P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Ông Cù Ngọc P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị T. Đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh thì bà Bùi Thị T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ F6/26D ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng từ tháng 10/2016 đã chuyển về địa chỉ 20/4 Bờ Bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo xác minh của Công an phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú thì bà Bùi Thị T từ trước đến nay không thực tế cư trú tại địa chỉ 20/4 Bờ Bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P xác nhận ông không biết địa chỉ cư trú hiện nay của bà T nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cù Ngọc P và bà Bùi Thị T sống chung có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Trực khang, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 Quyển số 04 ngày 11/02/2003. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P xác định ông và bà T mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, ông yêu cầu được ly hôn với bà T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong vụ án này, ông P xác định ông và bà T chung sống không hòa hợp, luôn xung đột, không còn tôn trọng nhau, đã sống ly thân nhiều năm. Bà T vắng mặt không đến Tòa án để Tòa án tiến hành hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa ông P và bà T không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà T.

[7] Về con chung: Ông P xác định ông và bà T có 01 con chung là trẻ Cù Ngọc Tiến, sinh ngày 28/7/2004. Ông P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tiến.

[8] Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của ông P nhưng bà T vẫn không có ý kiến, bà không đến Tòa tham dự các buổi hòa giải, xét xử mà vắng mặt không lý do.

[9] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

[10] Tại bản ghi nhận ý kiến đối với trẻ Tiến lập ngày 13 tháng 7 năm 2018 thì trẻ Tiến có nguyện vọng được sống cùng với ông P.

[11] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Tiến, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Tiến cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

[12] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của ông P và không trái luật nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà T.

[13] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác nhận ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung. Bà T vắng mặt không thể hiện ý kiến,yêu cầu của bà về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà và ông P nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[14] Về án phí: Ông Cù Ngọc P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Cù Ngọc P đối với bà Bùi Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số 4 do Ủy ban nhân dân xã Trực Khang, huyện Trực Ninh,tỉnh Nam Định cấp ngày 11/02/2003 không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Giao trẻ Cù Ngọc Tiến, sinh ngày 28/7/2004 cho ông Cù Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Bùi Thị T.

Bà T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần T các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4.Về án phí: Ông Cù Ngọc P chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông P đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0030263 ngày 31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông P đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Ông Cù Ngọc P, bà Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- UBND xã Trực Khang, H. Trực Ninh, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thu Sương